



Original Article

Enhancing Vietnamese Vocabulary Knowledge and Vietnamese Listening Ability through the Total Physical Response Method of Grade 1 Students Satit School Under Rajabhat University, Thailand

Nguyen Thi Thu Thanh*, Thitiporn Pichayakul, Kanreutai Klangphahol

*Valaya Alongkorn Rajabhat University under the Royal Patronage,
1 Phaholyothin, Klongnueng, A.Klongluang, Pathumthani 13180, Thailand*

Received 07 March 2020

Revised 17 March 2020; Accepted 24 March 2020

Abstract: The purpose of this research was i) to enhance Vietnamese vocabulary knowledge through the Total Physical Response (TPR) ii) to enhance Vietnamese Listening abilities through the Total Physical Response (TPR). The scope of the study is grade 1 students in the second semester, academic year 2019, at The Demonstration School of Valaya Alongkorn Rajabhat University Under The Royal Patronage satit by Purposive Sampling. The instruments used in this research were consisted of i) lesson plans ii) Vietnamese vocabulary test iii) Vietnamese listening comprehension test. The statistics used to analyze the data were mean, percentage and standard deviation and t-test dependent. The result of this study indicated that Vietnamese vocabulary knowledge and Vietnamese listening ability of the students increased after learning through the Total Physical Response.

Keywords: The Total Physical Response Method (TPR), Vietnamese Speaking Abilities, Vietnamese, Vietnamese vocabulary knowledge.

* Corresponding author.

E-mail address: thank58thailan@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4377>

Phát triển kiến thức về từ vựng và khả năng nghe tiếng Việt bằng phương pháp phản xạ (TPR) của học sinh lớp 1 Trường Satit thuộc Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat, Thái Lan

Nguyễn Thị Thu Thành*, Thitiporn Pichayakul, Kanreutai Klangphahol

*Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat dưới sự bảo trợ của Hoàng gia,
Số 1, Klongnueng, Klongluang, Pamthum Thani 13180, Thái Lan*

Nhận ngày 07 tháng 03 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 17 tháng 3 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 3 năm 2020

Tóm tắt: Bài nghiên cứu có mục đích nhằm i) phát triển kiến thức về từ vựng tiếng Việt của học sinh lớp 1 bằng phương pháp phản xạ (TPR) ii) phát triển khả năng nghe tiếng Việt bằng phương pháp phản xạ (TPR). Phạm vi nghiên cứu là học sinh lớp 1 đang học trong học kỳ 2 năm học 2019 trường Satit thuộc Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat, tỉnh Pathum Thani - Thái Lan bằng phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Các công cụ được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm i) bài giảng tiếng Việt ii) bài kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt iii) bài kiểm tra nghe tiếng Việt. Phương pháp thống kê được sử dụng để phân tích dữ liệu là giá trị trung bình, tỷ lệ phần trăm và độ lệch chuẩn, t-test dependent. Kết quả nghiên cứu cho thấy: học sinh tăng vốn kiến thức về từ vựng tiếng Việt và khả năng nghe tiếng Việt sau khi được dạy bằng phương pháp phản xạ (TPR).

Từ khóa: Phương pháp phản xạ (TPR), Khả năng nghe tiếng Việt, tiếng Việt, kiến thức về từ vựng tiếng Việt.

1. Mở đầu

Ngôn ngữ là một trong những công cụ mạnh mẽ nhất để bảo tồn và phát triển di sản vật thể và phi vật thể của con người. Ngôn ngữ đóng một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển bởi nó đảm bảo sự đa dạng về văn hóa và giúp các nền văn hóa có thể giao thoa, trao đổi với nhau. Ngôn ngữ cũng giúp tăng cường hợp tác, xây dựng xã hội tri thức toàn diện, bảo tồn các di sản văn hóa và tạo điều kiện tiếp cận với một nền giáo dục có chất lượng cho mọi người. Ngôn ngữ chính là cầu nối dẫn đến sự thông hiểu con người và văn hóa.

Trong khối các nước ASEAN, Việt Nam là một quốc gia các nhà đầu tư nước ngoài hết sức

chú ý. Bởi vì ngoài giá nhân công thấp, Việt Nam cũng là một quốc gia có sức mua cao và có nền chính trị ổn định. Do đó, bên cạnh các ngôn ngữ bản địa khác, tiếng Việt cũng đóng vai trò quan trọng trong khối các quốc gia ASEAN. Ở Thái Lan, việc dạy và học tiếng Việt ngày càng được đề cao. Có khá nhiều cơ sở giáo dục ở Thái Lan đã mở các chương trình dạy tiếng Việt cho người Thái.

Các nghiên cứu về việc dạy và học tiếng Việt ở Thái Lan cho thấy: hiện nay, các cơ sở giáo dục ở Thái Lan có tổ chức hoạt động đào tạo tiếng Việt nhưng vẫn chưa có chương trình đào tạo hoàn chỉnh khiến cho việc dạy và học tiếng Việt trở nên rất khó khăn cho cả người dạy và người học (Vuong Thi Lanh, 2016) [1]. Ngoài ra, người học không thể áp dụng kiến thức một cách hiệu quả do giáo viên vẫn áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống, không có sự đa dạng để thu hút người học,

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: thanhk58thailan@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4377>

khuyến học sinh không thể ghi nhớ kiến thức trong một thời gian dài và chán học (Tran Thi Quynh Trang, 2014) [2].

Trong bất kỳ ngôn ngữ nào thì việc nghe và học từ vựng là những kỹ năng quan trọng giúp người học thành công trong việc học ngoại ngữ. Ngôn ngữ là một tập hợp của nhiều từ vựng kết hợp lại, như vậy để có thể hiểu được một ngôn ngữ thì trước tiên phải bắt đầu từ việc học từ vựng và nghe hiểu rồi sau đó là áp dụng vào các mẫu câu để thể hiện điều mình muốn nói.

Trong bối cảnh chủ trương tự chủ đối với lĩnh vực giáo dục đang được triển khai quyết liệt tại Thái Lan, việc đổi mới phương thức giảng dạy ngoại ngữ ở tất cả các cấp bậc là yêu cầu tất yếu.

Tác giả đã tìm hiểu và tìm ra phương pháp để khắc phục các vấn đề trên, đó là phương pháp phản xạ (TPR). TPR là từ viết tắt của cụm từ Total Physical Response, đây là phương pháp của giáo sư tâm lý học người Pháp James Asher, giảng viên trường Đại học bang San José. Phương pháp này có mục đích giúp học viên phát triển ngôn ngữ thứ hai một cách tự nhiên. Phương pháp dựa trên ba nguyên tắc: học thông qua nghe, vận dụng hành động và hình ảnh để ghi nhớ, môi trường học tập thoải mái, không áp lực. Phương pháp phản xạ (TPR) có nhiều khác biệt so với phương pháp truyền thống, học sinh chủ động nạp kiến thức, không khí lớp học thoải mái không ép buộc, tạo môi trường học thoải mái, nhiều năng lượng cho học sinh, giúp học sinh ghi nhớ kiến thức lâu hơn do được thực hành tình huống thực.

2. Mục đích nghiên cứu

i) Nhằm phát triển kiến thức về từ vựng tiếng Việt của học sinh sau khi được dạy bằng phương pháp phản xạ (TPR).

ii) Nhằm phát triển khả năng nghe tiếng Việt của học sinh sau khi được dạy bằng phương pháp phản xạ (TPR).

3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu là học sinh lớp 1, số lượng 30 người, đang học trong học kỳ 2 năm học 2019 - 2020 trường Satit (trường Phổ thông liên cấp Thực nghiệm) thuộc Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat, tỉnh Pathum Thani - Thái Lan.

Biến trong nghiên cứu:

i) Biến độc lập: Phương pháp phản xạ (TPR)

ii) Biến phụ thuộc:

- Khả năng nghe tiếng Việt

- Kiến thức về từ vựng tiếng Việt

Thời gian nghiên cứu:

Tác giả đã tiến hành giảng dạy thực nghiệm trong 12 tuần, 2 tiết mỗi tuần, mỗi tiết 50 phút của học kỳ II năm học 2019 - 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Chọn mẫu

Mẫu trong nghiên cứu là học sinh lớp 1 đã hoặc đang học tiếng Việt, số lượng 30 người, đang học trong học kỳ 2 năm học 2019 - 2020 của trường Satit (trường Phổ thông liên cấp Thực nghiệm) thuộc Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat, tỉnh Pathum Thani - Thái Lan theo cách chọn mẫu có chủ đích (Purposive Sampling).

Hiện nay, các nước thành viên Asean đều hướng đến mục tiêu là đẩy mạnh hội nhập, hợp tác trên tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế cho đến giáo dục,... nhận thức được điều đó, Ban lãnh đạo trường Satit, Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat đã tiến hành mở các lớp dạy và học tiếng Việt cho học sinh lớp 1 - đây là độ tuổi mà trẻ đang phát triển và bộ não sẽ giúp người học dễ thành công trong việc học ngoại ngữ. Và nhà nghiên cứu đã có cơ hội được vào thực nghiệm để hoàn thành bài nghiên cứu này.

Sau đó, nhà nghiên cứu đã tiến hành chọn mẫu tự nguyện (Volunteer sampling), bằng cách cho học sinh tự đăng ký học tiếng Việt và có các tiêu chí lựa chọn (Inclusion criteria) và tiêu chí loại trừ (Exclusion criteria) như sau:

Tiêu chí lựa chọn (Inclusion criteria):

i) Là học sinh lớp 1, đang học trong học kỳ 2 năm học 2019 - 2020 của trường Satit (trường Phổ thông liên cấp Thực nghiệm) thuộc Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat, tỉnh Pathum Thani - Thái Lan.

ii) Học sinh là người tự nguyện đăng ký học môn tiếng Việt.

iii) Nhà nghiên cứu lọc ra những học sinh đạt 2 tiêu chí trên và thông báo danh sách những học sinh tham gia học môn tiếng Việt.

Tiêu chí loại trừ (Exclusion criteria):

i) Học sinh không thể tham gia xuyên suốt quá trình thực nghiệm.

ii) Học sinh từ chối tham gia thực nghiệm.

5. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành theo mô hình one group pretest posttest design nhằm phát triển kiến thức về từ vựng tiếng Việt và khả năng nghe tiếng Việt bằng cách sử dụng phương pháp phản xạ (TPR). Tác giả đã tiến hành thu thập dữ liệu theo các bước sau:

Bước 1: Học sinh làm bài kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt và bài kiểm tra khả năng nghe tiếng Việt trước khi học (pretest).

Bước 2: Tiến hành giảng dạy thực nghiệm theo bài giảng tự thiết kế bằng cách sử dụng phương pháp phản xạ (TPR) với số lượng 4 bài giảng, mỗi bài giảng dạy 6 giờ, tổng là 24 giờ.

Bước 3: Học sinh làm bài kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt và bài kiểm tra khả năng nghe tiếng Việt sau khi học (posttest).

6. Phương pháp phản xạ (TPR)

6.1. Nguồn gốc

Phương pháp phản xạ (TPR) được là phương pháp giảng dạy ngôn ngữ do James Asher, giáo sư tâm lý học tại Đại học bang San José phát triển vào những năm 1960. Hiện tại, phương pháp phản xạ được mệnh danh là phương pháp học ngoại ngữ ưu việt và toàn diện nhất. Phương pháp dựa trên sự phối hợp

giữa ngôn ngữ và hoạt động thể chất, lấy người học làm trung tâm và giúp học phát triển ngôn ngữ thứ hai một cách tự nhiên. Với phương pháp này, người học cần vận động cơ thể để phản ứng và tương tác với những hiệu lệnh bằng lời nói của giáo viên.

Asher đã phát triển phương pháp phản xạ (TPR) như là kết quả của kinh nghiệm của mình khi quan sát trẻ nhỏ học ngôn ngữ đầu tiên của chúng. Ông nhận thấy rằng sự tương tác giữa cha mẹ và trẻ em thường mang hình thức phát biểu từ cha mẹ theo sau là một phản ứng vật lý từ đứa trẻ. Asher đã đưa ra ba giả thuyết dựa trên những quan sát của mình: thứ nhất, ngôn ngữ đó được học chủ yếu bằng cách lắng nghe; thứ hai, việc học ngôn ngữ đó phải tham gia bán cầu não phải; và thứ ba, ngôn ngữ học tập đó không liên quan đến bất kỳ căng thẳng nào.

6.2. Định nghĩa

James Asher (1979) [3] định nghĩa rằng phương pháp phản xạ (TPR) là phương pháp tập trung vào người học, lấy người học làm trung tâm, giúp người học phát triển ngôn ngữ thứ hai một cách tự nhiên. Phương pháp này sáng lập dựa trên 3 nguyên tắc: học thông qua nghe, hành động để ghi nhớ, môi trường học tập thoải mái, không áp lực. Phương pháp học này tương tự như cách học của trẻ nhỏ, khi nói lặp đi lặp lại nhiều lần thì trẻ sẽ hiểu, và khi sẵn sàng trẻ sẽ bắt đầu nói. Mặc dù trong giai đoạn đầu cấu trúc ngôn ngữ sẽ chưa hoàn thiện nhưng nếu được nạp kiến thức liên tục thì người học sẽ phát triển ngôn ngữ một cách nhanh chóng.

Munoz & Forero (2011) [4] định nghĩa rằng phương pháp phản xạ (TPR) là phương pháp dạy phù hợp với trẻ nhỏ, học sinh được hoạt động cơ thể, được thực hành giúp cho học sinh phát triển khả năng ngôn ngữ cũng như vốn từ vựng một cách nhanh chóng.

Richards & Rodgers Theodore (1995) [5] định nghĩa rằng phương pháp phản xạ là phương pháp học phù hợp với việc học ngôn ngữ, bằng cách giáo viên là người ra lệnh hoặc câu lệnh rồi học sinh phản hồi lại bằng cử chỉ.

7. Ba nguyên tắc của phương pháp phản xạ (TPR)

Một là, học thông qua nghe. Không khí lớp học thoải mái, không áp lực. Giáo viên khuyến khích học sinh tìm ra câu trả lời, học sinh sẽ chủ động nạp kiến thức một cách tự nhiên và thú vị nhất.

Hai là, hành động để ghi nhớ. Đây là nội dung quan trọng đối với việc học tiếng Việt và cũng là cốt lõi của phương pháp phản xạ (TPR). Các hoạt động được thiết kế nhằm kích thích tối đa não phải, sẽ được tổ chức thường xuyên trong các buổi học để học sinh phát huy khả năng tiếp thu kiến thức, tăng cường khả năng phản xạ ngôn ngữ, vốn từ vựng.

Ba là, môi trường học tập thoải mái, không áp lực. Bài giảng được thiết kế để biến việc học ngôn ngữ thành một trò chơi. Niềm vui sẽ giúp học sinh chủ động tìm hiểu mà không ngại mắc sai lầm. Các câu chuyện hài hước, có hình ảnh, video minh họa sẽ rất thu hút sự quan tâm của học viên, sự tập trung vào bài học sẽ giúp học sinh tiếp thu ngôn ngữ một cách nhanh và hiệu quả nhất.

8. Điểm khác biệt của phương pháp phản xạ (TPR)

Phương pháp phản xạ (TPR) là phương pháp học ngôn ngữ mới, có nhiều điểm khác biệt so với các phương pháp khác, cụ thể:

Nâng cao khả năng nghe hiểu của học sinh: Thông thường, kỹ năng đọc - viết của học sinh học ngoại ngữ sẽ tốt hơn kỹ năng nghe - nói. Ứng dụng phương pháp phản xạ là một việc làm cần thiết giúp người học cải thiện 2 kỹ năng quan trọng này.

Tạo cho học sinh phản xạ ngay lập tức với ngôn ngữ mà không cần suy nghĩ quá nhiều: Phương pháp phản xạ (TPR) yêu cầu học sinh phải phản ứng ngay lập tức. Vì không có thời gian để suy nghĩ, học sinh sẽ tạo được thói quen không phức tạp hóa ngôn ngữ, làm quen với việc ứng biến hay phỏng đoán theo ngữ cảnh.

Giúp lưu trữ kiến thức trong bộ nhớ dài hạn: Việc lặp lại kiến thức nhiều lần và theo chu kỳ sẽ tạo ra một hiệu ứng ghi nhớ kỳ diệu.

Giảm thiểu sự căng thẳng và áp lực cho học sinh: Phương pháp phản xạ (TPR) không yêu cầu học sinh phải tự nói được. Nếu được thực hành đúng cách, học sinh sẽ luôn hiểu rõ bài học trong quá trình luyện tập với phương pháp phản xạ (TPR), tăng sự tự tin cũng như giảm thiểu bộ lọc hiệu quả.

9. Dạy từ vựng, nghe tiếng Việt bằng phương pháp phản xạ (TPR)

Các bước dạy tiếng Việt bằng phương pháp phản xạ (TPR) nhằm phát triển kiến thức từ vựng và khả năng nghe tiếng Việt bao gồm 5 bước sau:

Bước 1: Khởi động (Warm up). Giáo viên sử dụng trò chơi, bài hát, đoạn hội thoại về những sự việc trong cuộc sống hàng ngày hoặc sự việc liên quan đến bài học nhằm thúc đẩy cho học sinh liên kết những sự việc xung quanh và gây hứng thú học tập.

Bước 2: Trình bày (Presentation). Học sinh xếp hình vòng, giáo viên đứng giữa lớp học, chọn ra 2 học sinh tình nguyện và đứng vào vị trí trung tâm cùng giáo viên, sau đó cô phát âm từ vựng mới để cho 2 học sinh đó thực hành theo câu lệnh của giáo viên cho các bạn trong lớp xem (lúc này học sinh chưa phải nói). Khi giáo viên nhận thấy rằng học sinh đã hiểu và có thể thực hành theo câu lệnh, giáo viên sẽ ra câu lệnh và không làm mẫu như trước đó nữa mà để học sinh nghe và hành động cử chỉ. Trước khi ra một câu lệnh mới, giáo viên sẽ ôn lại câu lệnh cũ, sau đó ra tất cả các câu lệnh nhưng sẽ đan xen lẫn nhau để vừa giúp học sinh ôn lại các câu lệnh, lại vừa kiểm tra được khả năng ghi nhớ từ vựng của học sinh. Trong bước này sẽ tập trung cho học sinh được thực hành hoặc thể hiện phản xạ và luyện tập khả năng nghe tiếng Việt, như vậy học sinh sẽ không cảm thấy áp lực hoặc căng thẳng trong khi học.

Bước 3, Thực hành (Practice). Trong bước này giáo viên sẽ chọn học sinh khác bước ra và nói câu lệnh kết hợp với thể hiện cử chỉ ch cô và các bạn thực hành theo. Hoạt động cơ thể sẽ giúp cho học sinh cảm thấy vui vẻ, độ tập trung cao và hứng thú với những hoạt động đã được làm. Sau đó, giáo viên sẽ chia học sinh thành 5 nhóm để chơi trò chơi, mỗi nhóm sẽ cử ra đại diện để thi thực hiện theo câu lệnh được nghe. Giáo viên giao thẻ từ vựng lên, phát âm và đánh vần cho học sinh phát âm và đánh vần theo và gắn từ đó lên bảng.

Ngoài ra, giáo viên còn cho học sinh ghép đôi, chia hình ảnh và thẻ từ vựng (Mini cards) cho học sinh, giáo viên sẽ phát âm từ vựng và đánh vần những từ mà đã được học trong tiết học đó, sau đó cho học sinh ghép hình với từ vựng sao cho đúng. Đôi nào tìm thấy trước thì giơ tay ra hiệu, phát âm và đánh vần từ đó, học sinh còn lại sẽ phát âm và đánh vần theo.

Bước 4, sử dụng ngôn ngữ (Production). Trong bước này, mỗi học sinh sẽ được nhận một bộ thẻ chữ cái tiếng Việt chữ hoa và chữ thường để thi nhau đánh vần từ, bằng cách giáo viên sẽ bốc thăm từ vựng đã được học trong tiết đó rồi cho từng người ở mỗi nhóm thi nhau đánh vần từ đó. Sau đó, giáo viên cho học sinh mà đánh vần từ vựng xong trước và đúng đọc từ vựng và đánh vần cho các bạn trong nhóm đánh vần theo và nói nghĩa của từ vựng, thực hành như vậy cho đến khi đủ tất cả các từ. Ngoài ra, giáo viên còn học sinh làm bài tập có liên quan đến nội dung học.

Bước 5, kết luận (Wrap up). Ở bước cuối cùng này, giáo viên và học sinh sẽ cùng nhau ôn lại tất cả những từ vựng một lần nữa, có thể cho đại diện là người ra câu lệnh kết hợp với cử chỉ cho các bạn thực hiện theo, hoặc hát, chơi trò chơi một lần nữa. Và học sinh sẽ vẽ tranh hoặc viết chuỗi sự việc kết hợp với viết từ vựng hoặc viết tựa đề cho hình ảnh (tùy vào nội dung dạy ở mỗi tiết học) nhằm thúc đẩy khả năng của học sinh về mặt ngữ pháp, từ vựng và các câu lệnh khác nhau cũng như giúp học sinh có thể hiểu sâu hơn về bài học.

10. Kết quả nghiên cứu

Ý nghĩa tham số:

Mean là giá trị trung bình
Sig. là sai số
S.D. là độ lệch chuẩn

Kết quả nghiên cứu:

Từ nghiên cứu về phát triển kiến thức về từ vựng tiếng Việt và khả năng nghe tiếng Việt của học sinh lớp 1 trường Satit thuộc Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat - Thái Lan bằng Phương pháp phản xạ (TPR) có thể kết luận kết quả nghiên cứu như sau:

Bảng 1. Điểm trung bình, tỷ lệ phần trăm và độ lệch chuẩn đạt được từ bài kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt của học sinh trước và sau khi học bằng phương pháp phản xạ (TPR), tổng 50 điểm, 30 học sinh

Thứ tự	Điểm trước khi học (tổng 50 điểm)	Điểm sau khi học (tổng 50 điểm)	Số điểm tăng lên
1	12	27	15
2	9	46	37
3	11	41	30
4	14	46	32
5	15	30	15
6	14	31	17
7	15	47	32
8	18	36	18
9	18	45	27
10	17	41	24
11	19	38	19
12	13	35	22
13	18	45	27
14	21	50	29
15	11	43	32
16	16	48	32

17	20	44	24
18	18	43	25
19	10	42	32
20	13	39	26
21	10	48	38
22	15	45	30
23	17	46	29
24	18	42	24
25	11	39	28
26	12	38	26
27	19	34	15
28	20	46	26
29	8	45	37
30	15	38	23
Tổng	447	1238	791
Phần trăm	29,8	82,53	52,73
Mean	14,90	41,27	27,37
S.D.	3,38	7,16	7,05

Từ bảng 1 cho thấy điểm trung bình kiến thức về từ vựng tiếng Việt của học sinh trước khi học bằng Phương pháp phản xạ (TPR) là 14,9, độ lệch chuẩn là 3,38, đạt 29,8 % và điểm trung bình kiến thức về từ vựng tiếng Việt của học sinh sau khi học bằng Phương pháp phản xạ (TPR) là 41,27, độ lệch chuẩn là 7,16, đạt 82,53%. Có thể khẳng định rằng học sinh sau khi được học bằng Phương pháp phản xạ (TPR) có điểm kiến thức về từ vựng tiếng Việt tăng lên.

Từ bảng 2 cho thấy rằng điểm trung bình nghe tiếng Việt của học sinh trước khi học bằng Phương pháp phản xạ (TPR) là 15,23, độ lệch chuẩn là 3,63, đạt 30,47% và điểm trung bình nghe tiếng Việt của học sinh sau khi học bằng phương pháp phản xạ (TPR) là 42,73, độ lệch chuẩn là 5,18, đạt 85,47 %.

Có thể khẳng định rằng học sinh sau khi được học bằng Phương pháp phản xạ (TPR) điểm trung bình nghe tiếng Việt của học sinh cao lên.

Bảng 2. Điểm trung bình, tỷ lệ phần trăm và độ lệch chuẩn đạt được từ bài kiểm tra nghe tiếng Việt của học sinh trước và sau khi học bằng phương pháp phản xạ (TPR), tổng 50 điểm, 30 học sinh

Thứ tự	Điểm trước khi học (tổng 50 điểm)	Điểm sau khi học (tổng 50 điểm)	Số điểm tăng lên
1	12	38	26
2	13	47	34
3	15	46	31
4	14	50	36
5	13	43	30
6	15	38	23
7	14	37	23
8	18	41	33
9	20	40	20
10	12	45	33
11	15	48	33
12	16	41	25
13	17	37	20
14	8	39	31
15	9	40	31
16	10	43	33
17	16	42	26
18	18	47	29
19	21	48	27
20	23	49	26
21	13	50	37
22	10	43	33
23	12	36	23
24	16	31	15
25	17	32	15
26	18	45	27
27	20	46	26
28	19	43	24
29	16	48	32
30	17	49	27
Tổng	457	1282	825
Phần trăm	30,47	85,47	55,00
Mean	15,23	42,73	27,50
S.D.	3,63	5,18	5,68

Từ bảng 3 cho thấy điểm trung bình kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt và điểm trung bình kiểm tra khả năng nghe tiếng Việt của học sinh sau khi học lần lượt là 41,27 và 42,73 và cao hơn điểm trung bình kiểm tra kiến

thức về từ vựng tiếng Việt và điểm trung bình kiểm tra khả năng nghe tiếng Việt của học sinh trước khi học. Sự khác biệt về giá trị trung bình (D) trước khi học và sau khi học lần lượt là 27,37 và 27,50.

Bảng 3. So sánh điểm trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (S.D.), sự khác biệt về trung bình (D) và giá trị t-test của điểm kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt và điểm kiểm tra nghe tiếng Việt của học sinh trước và sau khi dạy bằng phương pháp phản xạ (TPR)

Kiểm tra		Điểm tổng	Mean	S.D.	D	t-test	Sig.
Kiến thức về từ vựng	Trước khi học	50	14,90	3,38	27,37	13,02	.000
	Sau khi học	50	41,27	7,16			
Khả năng nghe	Trước khi học	50	15,23	3,63	27,50	13,08	.000
	Sau khi học	50	42,73	5,18			

Khi lấy điểm kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt và điểm kiểm tra khả năng nghe tiếng Việt trước khi học và sau khi học để phân tích so sánh t-test dependent thấy rằng điểm t-test lần lượt là 13,02 và 13,08 nên có thể khẳng định rằng điểm kiểm tra trước và sau khi học của học sinh có sự khác nhau, với sai số 0.05.

Do đó, có thể kết luận là điểm kiến thức về từ vựng tiếng Việt và điểm khả năng nghe tiếng Việt của học sinh được học bằng phương pháp phản xạ (TPR) sau khi học cao hơn so với trước khi học.

11. Bàn luận

1) Kiến thức về từ vựng tiếng Việt của học sinh đã tăng lên sau khi học bằng phương pháp phản xạ (TPR). Khi xét điểm trung bình của bài kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt của học sinh trước và sau khi học cho thấy điểm kiểm tra kiến thức về từ vựng tiếng Việt sau khi học cao hơn so với điểm kiểm tra kiến thức trước khi học tiếng Việt. Khi lấy điểm kiểm tra trước và sau khi học để phân tích và so sánh kiểm tra t-test dependent cho thấy điểm t-test là 13,02. Do đó, có thể khẳng định rằng điểm kiểm tra trước và sau khi học có sự khác nhau với sai số 0.05.

Từ kết quả nghiên cứu này cho thấy học tiếng Việt thông qua phương pháp phản xạ

(TPR) giúp học sinh phát triển kiến thức về từ vựng tiếng Việt, tăng sự tự tin và sáng tạo trong khi học và là một phương pháp học phù hợp với lứa tuổi học sinh lớp 1. Munoz & Forero (2011) [4] cho rằng phương pháp phản xạ (TPR) là một phương pháp giảng dạy thích hợp cho trẻ em do học bằng cách tham gia các hoạt động và thực hành. Quá trình học theo phương pháp này cho phép học sinh thực hành, đó là một phương pháp học tập thích hợp dành cho học sinh ở độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi. Ngoài ra, việc dạy học bằng phương pháp phản xạ (TPR) cũng khuyến khích học sinh học từ vựng từ kinh nghiệm thực tế. Nhận định này tương tự như quan điểm của Asher (1977) [5] khi cho rằng phương pháp phản xạ (TPR) là phương pháp học ngôn ngữ thông qua lời nói và vận động, là phương pháp học ngôn ngữ như học tiếng mẹ đẻ. Richards & Rodgers (2001) [6] nói rằng với phương pháp phản xạ (TPR) học sinh sẽ có thể hiểu thêm từ vựng và tự tin khi học, sự hiểu biết mà học sinh có được trong quá trình học là từ sự chuyển động của tay, mắt, tai và các bộ phận khác của cơ thể. Nói cách khác, khi học sinh được nghe và thực hành có thể giúp học sinh học ngôn ngữ tốt hơn.

Theo nghiên cứu của Chutima Sae Tang (2014) [7] về khả năng nghe và nói tiếng Anh bằng phương pháp phản xạ (TPR) của học sinh lớp 3, kết quả cho thấy khả năng nghe và nói tiếng Anh của học sinh sau khi học bằng cách sử dụng phương pháp phản xạ (TPR) cao hơn

so với trước khi học, với sai số 0.01 và các học sinh hài lòng với việc dạy và học bằng phương pháp phản xạ (TPR) ở cấp độ cao nói chung. Kết quả này hoàn toàn trùng hợp với nghiên cứu của Siriporn Palachot (2018) [8] về khả năng nghe và nói tiếng Anh của học sinh lớp 1 bằng phương pháp phản xạ (TPR) cho thấy khả năng Tiếng Anh của học sinh sau khi học tốt hơn so với trước khi học, với sai số 0.05; khả năng nghe tiếng Anh của học sinh sau khi học cao hơn mức 70 phần trăm của tổng điểm, với sai số 0.05; khả năng nói tiếng Anh của học sinh sau khi học cao hơn trước khi học, với sai số 0.05 và khả năng nói tiếng Anh của học sinh sau khi học cao hơn mức 70 phần trăm của tổng điểm, với sai số 0.05.

2) Khả năng nghe tiếng Việt của học sinh đã tăng lên sau khi được học bằng phương pháp phản xạ (TPR) với sai số 0.05.

Để việc dạy học có hiệu quả nên xem xét quá trình học ngôn ngữ một cách tự nhiên, bằng cách bắt đầu từ việc lắng nghe và thấu hiểu là chìa khóa trước khi chuyển sang các kỹ năng khác. Luyện nghe nhiều sẽ dẫn đến sự nhuần nhuyễn khi nghe, phát âm và trọng âm một cách chính xác. Người học lúc đầu nghe chính mình phát âm sai có thể gây nhầm lẫn trong việc tách âm và nhận dạng giọng nói chính xác. Nếu học sinh được luyện nói ngay khi bắt đầu sẽ phạm rất nhiều sai lầm và cũng là một trở ngại cho việc học, nhưng nếu học sinh luyện nghe trước khi nói, học sinh sẽ có kinh nghiệm học ngôn ngữ tốt, có thể tương tác chính xác và tự tin học ngôn ngữ. Tương tự với quan điểm của Munoz & Forero (2011) [4] nhận định rằng phương pháp phản xạ (TPR) là một phương pháp đào tạo học sinh học hỏi bằng kinh nghiệm thực tế, học sinh được chơi, di chuyển cơ thể, học độc lập, không phải tuân theo các quy tắc trong khi học tập. Do đó, học sinh có thể cải thiện khả năng nghe của họ, có thể ghi nhớ từ vựng. Nghiên cứu của Suparaporn Wongchaiwan (2016) [9] nghiên cứu về sự phát triển kiến thức về từ vựng tiếng Anh và khả năng nghe tiếng Anh theo phương pháp phản xạ (TPR) của học sinh lớp 2, trường Ban Sop Phlung, tỉnh Lampang, thấy rằng học sinh có kiến thức về từ vựng tiếng Anh và có khả năng nghe tiếng Anh

tốt hơn sau khi học bằng phương pháp phản xạ (TPR) (TPR) ở mức cao nhất. Kết quả này hoàn toàn trùng hợp với nghiên cứu của Supinda Khamsen (2017) [10] về sự phát triển nghe và nói tiếng Nhật đối với học sinh lớp 2 bằng phương pháp phản xạ (TPR) thấy rằng hiệu quả của bài giảng là 89,75/75,05, phù hợp với tiêu chí hiệu suất 75/75. Điểm trung bình nghe và nói tiếng Nhật của học sinh là 75,05 phần trăm, cao hơn so với tiêu chí quy định và học sinh hài lòng với phương pháp dạy học ở mức cao.

Trong quá trình áp dụng thử nghiệm phương pháp phản xạ (TPR) vào việc dạy tiếng Việt cho học sinh lớp 1 trường Satit (trường Phổ thông liên cấp Thực nghiệm) thuộc Đại học Valaya Alongkorn Rajabhat, tỉnh Pathum Thani - Thái Lan, tác giả thấy được ưu điểm, nhược điểm của phương pháp phản xạ (TPR) như sau:

Ưu điểm:

Phương pháp phản xạ (TPR) được biết đến rộng rãi trên toàn cầu như là một phương pháp dạy ngôn ngữ có hiệu quả truyền đạt cao cũng như mang lại nhiều niềm vui cho người học. Thành công của phương pháp phản xạ (TPR) là nhờ vào việc phối hợp ngôn ngữ với các hoạt động thể chất.

Giá trị cốt lõi của phương pháp phản xạ (TPR) là đề cao thể giới quan của người học, biến người học trở thành trọng tâm trong mỗi bài học. Điều này sẽ khiến những kiến thức mới mẻ trở nên gần gũi và dễ tiếp thu, giúp người học tiếp thu tốt hơn và nhanh hơn.

Cơ chế hoạt động của phương pháp phản xạ là hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa tiếng Việt và các hành động thường ngày của học sinh thông qua nhiều hoạt động đòi hỏi sự phối hợp giữa các giác quan và hoạt động thể chất. Cơ chế này giúp học sinh tiếp thu ngôn ngữ mới trong vô thức, tránh được căng thẳng, áp lực.

Các hoạt động vui chơi, ca hát, kể chuyện, vận động sử dụng tiếng Việt tạo ra niềm vui cho học sinh. Sự vui thích tạo nên mối liên kết bền vững trong trí nhớ, giúp học sinh ghi nhớ lâu hơn. Niềm vui cũng tạo ra động lực cho học sinh có thể tương tác với tiếng Việt mà không gây nhàm chán. Qua đó, các kỹ năng của học sinh sẽ được phát triển một cách toàn diện.

Phương pháp phản xạ (TPR) kích thích việc tiếp thu kiến thức thông qua não phải, biến việc học ngôn ngữ thành một trò chơi. Niềm vui sẽ khuyến khích học sinh chủ động tìm hiểu mà không ngại mắc sai lầm.

Với phương pháp phản xạ (TPR) học sinh được trải nghiệm thực tế nhiều hơn là trải nghiệm thông qua sách vở. Những trải nghiệm này đóng vai trò quan trọng trong việc ghi nhớ từ vựng cũng như khả năng ở học sinh, giúp học sinh có thể xử lý nhanh hơn và tốt hơn khi gặp những luồng thông tin tương tự hoặc những luồng thông tin mới.

Phương pháp phản xạ (TPR) còn giúp người dạy có được niềm vui khi dạy cũng như tránh được căng thẳng, góp phần nâng cao chất lượng bài học.

Nhược điểm:

Mặc dù có những ưu điểm nổi bật nêu trên, phương pháp phản xạ (TPR) cũng có những hạn chế nhất định. Sử dụng các câu lệnh trong việc học ngữ pháp và từ vựng làm cho khả năng giao tiếp của học sinh bị hạn chế. Do các hoạt động phương pháp phản xạ (TPR) chỉ xoay quanh những câu mệnh lệnh đơn giản như "đứng lên", "ngồi xuống", phương pháp này chỉ phù hợp với người học ở trình độ thấp để tiếp thu cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đơn giản.

Phương pháp phản xạ (TPR) có thể mạnh trong việc phát triển kỹ năng nghe, nói còn các kỹ năng khác như đọc, viết thì cần thời gian và còn hạn chế.

Về quản lý lớp học. Các hoạt động khi áp dụng phương pháp phản xạ (TPR) thường rất dễ gây mất trật tự và mất nhiều thời gian đòi hỏi giáo viên có kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức lớp học tốt.

Gợi ý:

Gợi ý từ bài nghiên cứu:

- Giáo viên cần tìm hiểu về nội dung, nguyên tắc của phương pháp phản xạ (TPR) trước khi tiến hành giảng dạy thực nghiệm.

- Về việc lựa chọn nội dung giảng dạy, nên xem xét đến trình tự các bước cũng như độ khó dễ của nội dung, nội dung đi từ dễ đến khó, phù hợp với trình độ của học sinh.

- Tổ chức hoạt động dạy và học nên đa dạng, kết hợp với các công cụ giảng dạy như hình ảnh, trò chơi, chuyện tranh,... và tổ chức các hoạt động theo nhóm, cặp hoặc cả lớp.

Gợi ý cho nghiên cứu trong tương lai:

- Nên áp dụng phương pháp phản xạ (TPR) với các kỹ năng khác như nói, đọc,...

- Nên kết hợp dạy và học giữa phương pháp phản xạ (TPR) với phương pháp dạy khác để xem phương pháp dạy nào đạt hiệu quả cao hơn.

- Nên áp dụng phương pháp phản xạ (TPR) vào việc dạy và học các ngôn ngữ khác nhằm giúp học sinh có thể ghi nhớ từ vựng tốt hơn, tạo bầu không khí vui vẻ và thoải mái khi học.

12. Kết luận

Với sự phối hợp giữa ngôn ngữ và hoạt động thể chất, phương pháp phản xạ (TPR) lấy người học làm trung tâm, giúp học sinh phát triển ngôn ngữ thứ hai một cách tự nhiên. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp với việc dạy tiếng Việt cho học tiểu học khi chương trình thiết kế kết hợp hoạt động học tiếng Việt với hình ảnh, trò chơi, hát múa, kể chuyện,... tạo ra môi trường học thoải mái, không gây áp lực và thu hút sự chú ý của học sinh vào bài học giúp học sinh tiếp thu ngôn ngữ nhanh và hiệu quả nhất.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vương Thị Lanh, The development of a basic Vietnamese language curriculum for communication, Thesis, Master of Education, Curriculum and instruction, Nakhon Ratchasima Rajabhat University, 2016 (in Thailand).
- [2] Trần Thị Quỳnh Trang, A study of learning achievement and attitude of mathayom sukka 4 students towards learning vietnamese language using basic vietnamese language curriculum. Thesis. Pathum Thani: Graduate School, Valaya Alongkorn Rajabhat University Under the royal patronage, 2014 (in Thailand).
- [3] Asher, J.J. Learning Another Language Through Actions: The Complete Teachers Guide Book Los Gatos, California: Sky Oaks Publication, 1979.

- [4] M.E.M. Munoz, M.A.V. Forero, Teaching English vocabulary to third graders through the application of the total physical response method, Facultad De Bellas Artes Y Hu, anidades, Universidad tecnologica De perira, Colombia, 2011.
- [5] Asher, Learning another language through actions: The complete teacher's guidebook, Los Gatos, California: Sky Oaks Productions, 1977.
- [6] J.C. Richards, T.S. Rodgers, Approaches and methods in language teaching, USA: Cambridge University Press, 2001.
- [7] Chutima Sae Tang, A study of English listeing and speaking abilities by using total physical response method for prathomsuksa III students, 2014 (in Thailand).
- [8] Siriporn Palachot, A study of English Listenin and speaking Abilities of 1st Graders Using Total Physical Response Method, Thesis, Master of Education, Curriculum and instruction, Nakhon Ratchasima Rajabhat University, 2018 (in Thailand).
- [9] Supraporn Wongchaiwan. Enhancing English vocabulary knowledge and english listening ability through the Total Physical Response Approach of Prathom Suksa 2 students, Ban Sobplueng School, Lampang, 2016 (in Thailand).
- [10] Supinda Khamsen, Developtment of listening and speaking skills through total physical response instruction (TPR) for Matthayomsuksa 2 students, 2017) (in Thailand).